

Luật số: /2026/QH16

**LUẬT
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT KẾ TOÁN,
LUẬT KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kế toán số 88/2015/QH13 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15, Luật số 108/2025/QH15), Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 97/2015/QH13, Luật số 56/2024/QH15).

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Luật Kế toán

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 7, khoản 8 Điều 2 như sau:

“7. Người làm kế toán.

8. Cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán (sau đây gọi tắt là cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán).”.

2. Bổ sung khoản 19, 20 Điều 3 như sau:

“19. Cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán là người làm kế toán theo hợp đồng dịch vụ kế toán dưới hình thức là cá nhân độc lập kinh doanh dịch vụ kế toán, hộ kinh doanh dịch vụ kế toán hoặc là cá nhân thực hiện dịch vụ thông qua tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán.

20. Tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán là các doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp nước ngoài tại Việt Nam kinh doanh dịch vụ kế toán cho khách hàng theo hợp đồng dịch vụ kế toán.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 như sau:

“2. Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán gồm những quy định và hướng dẫn về nguyên tắc, nội dung áp dụng các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp đối với người làm kế toán, cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 13 như sau:

“9. Thuê, mượn, cho thuê, cho mượn các loại chứng chỉ năng lực kinh doanh dịch vụ kế toán dưới mọi hình thức.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 14 Điều 13 như sau:

“14. Cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán thông đồng, móc nối với khách hàng để cung cấp, xác nhận thông tin, số liệu kế toán sai sự thật.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 50 như sau:

“1. Tổ chức bộ máy kế toán, bố trí người làm kế toán hoặc quyết định thuê cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán theo đúng quy định của Luật này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về công tác kế toán của đơn vị mình kể cả trường hợp thuê dịch vụ kế toán”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 52 như sau:

“2. Người đang bị cấm làm kế toán theo bản án hoặc quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; người đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, tội phạm về chức vụ liên quan đến tài chính, kế toán mà chưa được xóa án tích.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 5 Điều 56 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 56 như sau:

“1. Đơn vị kế toán, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được ký hợp đồng với cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán để thuê dịch vụ làm kế toán hoặc dịch vụ làm kế toán trưởng theo quy định của pháp luật.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 56 như sau:

“5. Cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán phải chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu kế toán theo thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ kế toán và quy định của pháp luật.”

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 57 như sau:

“Điều 57. Tiêu chuẩn đối với cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán

1. Cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn của người làm kế toán theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật này.

2. Cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán ký tên trên báo cáo tài chính của khách hàng phải có đủ tiêu chuẩn của người làm kế toán quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật này và có tiêu chuẩn chuyên môn sau:

a) Đạt yêu cầu năng lực chuyên môn cung cấp dịch vụ kế toán và được cấp chứng chỉ năng lực kinh doanh dịch vụ kế toán theo quy định của Bộ Tài chính.

b) Cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán cung cấp dịch vụ làm kế toán trưởng phải đủ tiêu chuẩn quy định tại điểm a khoản này, có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng và có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là 02 năm.”

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 59 như sau:

“Điều 59. Kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới vào Việt Nam

1. Kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới vào Việt Nam là việc cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán ở nước ngoài được cung cấp dịch vụ kế toán cho các đơn vị kế toán, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tại Việt Nam khi không có sự hiện diện thương mại tại Việt Nam.

2. Chính phủ quy định chi tiết về:

- a) Đối tượng được kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới vào Việt Nam;
- b) Phương thức kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới vào Việt Nam;
- c) Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán ở nước ngoài kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới vào Việt Nam;
- d) Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán tại Việt Nam có tham gia liên danh với cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán ở nước ngoài để kinh doanh dịch vụ kế toán qua biên giới vào Việt Nam.”

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 67 như sau:

“Điều 67. Trách nhiệm của cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán

1. Thực hiện công việc kế toán liên quan đến nội dung dịch vụ kế toán thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Tuân thủ pháp luật về kế toán và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán.

3. Chịu trách nhiệm trước khách hàng và trước pháp luật về nội dung dịch vụ kế toán đã cung cấp và phải bồi thường thiệt hại do mình gây ra theo thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ kế toán và theo quy định của pháp luật:

- a) Cá nhân hoặc hộ kinh doanh trực tiếp ký hợp đồng dịch vụ kế toán với khách hàng phải chịu toàn bộ trách nhiệm trước khách hàng về chất lượng dịch vụ kế toán mà mình cung cấp theo phạm vi hợp đồng đã ký kết. Trường hợp nếu phát sinh nghĩa vụ bồi thường thì thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ kế toán và theo quy định của pháp luật dân sự.

b) Tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán ký hợp đồng dịch vụ kế toán với khách hàng phải chịu toàn bộ trách nhiệm trước khách hàng về tiêu chuẩn cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán cũng như chất lượng dịch vụ kế toán mà mình cung cấp theo phạm vi hợp đồng đã ký kết. Trường hợp nếu phát sinh nghĩa vụ bồi thường thì thực hiện theo thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ kế toán và theo quy định của pháp luật dân sự.

Cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán thông qua tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán phải chịu trách nhiệm trước tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán và thực hiện bồi thường (nếu có) theo hợp đồng lao động đã ký kết với tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán.

4. Cập nhật đầy đủ kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Bộ Tài chính.

5. Tuân thủ sự quản lý nghề nghiệp và kiểm tra hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán của Bộ Tài chính.

6. Khai báo, cập nhật thông tin về kinh doanh dịch vụ kế toán để xây dựng cơ sở dữ liệu về cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán theo quy định của Bộ Tài chính.”

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 68 như sau:

“Điều 68. Trường hợp không được kinh doanh dịch vụ kế toán

1. Cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán không được kinh doanh dịch vụ kế toán khi thuộc các trường hợp sau đây:

a) Là cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, anh, chị, em ruột của người có trách nhiệm quản lý, điều hành, kế toán trưởng của khách hàng, trừ trường hợp khách hàng là doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn do một cá nhân làm chủ sở hữu và doanh nghiệp siêu nhỏ theo quy định của pháp luật về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh;

b) Không đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật này;

c) Đơn vị kế toán yêu cầu thực hiện những công việc không đúng với chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp hoặc không đúng với yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ kế toán, tài chính.

2. Cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán không được ký báo cáo tài chính cho khách hàng khi thuộc các trường hợp tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều này và các trường hợp sau đây:

a) Không đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Luật này.

b) Trong thời gian bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán.”.

12. Sửa đổi, bổ sung Điều 69 như sau:

“Điều 69. Đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán

1. Cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán có thời hạn khi:

a) Có sai phạm về chuyên môn hoặc vi phạm chuẩn mực kế toán, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán gây hậu quả nghiêm trọng hoặc có khả năng thực tế gây hậu quả nghiêm trọng.

b) Làm sai lệch hoặc thông đồng, móc nối để làm sai lệch tài liệu kế toán, báo cáo tài chính và cung cấp thông tin, số liệu báo cáo sai sự thật.

c) Thuê, mượn, cho thuê, cho mượn các loại chứng chỉ năng lực chuyên môn cung cấp dịch vụ kế toán dưới mọi hình thức.”

2. Bộ Tài chính quy định chi tiết về thời hạn đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán đối với cá nhân, tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán.”

13. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 70 như sau:

“2. Tổ chức nghề nghiệp về kế toán được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho người làm kế toán, cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán và thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến hoạt động kế toán do Chính phủ quy định.”.

14. Sửa đổi, bổ sung điểm d, đ khoản 2 Điều 71 như sau:

“d) Quy định quản lý hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán bao gồm: việc thi, cấp, thu hồi và quản lý chứng chỉ năng lực kinh doanh dịch vụ kế toán; cập nhật kiến thức cho cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán; các nội dung trọng yếu của hợp đồng dịch vụ kế toán; quản lý, kiểm tra, giám sát, công khai thông tin hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán; đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán;

đ) Kiểm tra kế toán; giám sát việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán;”.

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 73 như sau:

“2. Những người có chứng chỉ hành nghề kế toán do Bộ Tài chính cấp theo Luật Kế toán số 03/2003/QH11 và những người có chứng chỉ kế toán viên do Bộ Tài chính cấp trước ngày 01 tháng 03 năm 2027 theo Luật Kế toán số 88/2015/QH13 (đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15, Luật số 108/2025/QH15) được dự thi để lấy chứng chỉ kiểm toán viên theo quy định của Bộ Tài chính.”.

16. Bãi bỏ khoản 11 Điều 3; khoản 11, 12, 13 Điều 13; Điều 58; Điều 60;

Điều 61; Điều 62; Điều 63; Điều 64; Điều 65; Điều 66; Điều 70a; điểm c, e khoản 2 Điều 71; khoản 3 Điều 73.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Luật Kiểm toán độc lập

1. Bãi bỏ điểm a khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 21; khoản 2, khoản 3 Điều 22.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 23 như sau:

“1. Trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam; trường hợp từ chối, Bộ Tài chính phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 24 như sau:

“3. Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Tài chính cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán; trường hợp từ chối, Bộ Tài chính phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.”.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 03 năm 2027.

2. Quy định chi tiết

a) Chính phủ quy định chi tiết nguyên tắc xử lý hành vi vi phạm hành chính về hành nghề và kinh doanh dịch vụ kế toán phát sinh trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

b) Bãi bỏ phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán tại Danh mục phí, lệ phí ban hành kèm theo Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13.

3. Quy định chuyển tiếp

a) Đối với Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kế toán, Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán đã được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành mà chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn sử dụng thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo quy định của pháp luật về kế toán cho đến khi hết thời hạn.

b) Chứng chỉ hành nghề kế toán do Bộ Tài chính cấp theo Luật Kế toán số 03/2003/QH11, chứng chỉ kế toán viên do Bộ Tài chính cấp trước ngày 01 tháng 03 năm 2027 theo Luật Kế toán số 88/2015/QH13 (đã được sửa đổi, bổ sung

một số điều theo Luật số 56/2024/QH15, Luật số 108/2025/QH15) và chứng chỉ kiểm toán viên theo Luật Kiểm toán độc lập có giá trị như chứng chỉ năng lực kinh doanh dịch vụ kế toán đối với cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán quy định tại điểm a khoản 2 Điều 57 Luật này.

c) Cá nhân đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn tại Điều 57 Luật này được kinh doanh dịch vụ kế toán mà không phải đăng ký và không phải nộp phí để được Bộ Tài chính chấp thuận trước khi cung cấp dịch vụ.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, Kỳ họp thứ...thông qua ngày...tháng...năm....

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Trần Thanh Mẫn

